TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày: 07 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Đoan

2. Ông: Đỗ Đức Nhân

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 2 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 97/2017/TLST-HS ngày 21/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 26/01/2018 đối với bị cáo:

1, Nguyễn Văn N, sinh ngày 04/9/1986

ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1956; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

- Ngày 27/9/2004 UBND xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng

- Bản án số 21/2005/HSST ngày 06/12/2005, TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

- Bản án số 12/2005/HSST ngày 28/12/2005, TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

- Bản án số 04/2006/HSST ngày 10/02/2006, TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", cộng 15 tháng tù của bản án số 21 và 30 tháng tù của bản án số 12. Tổng hợp là 05 năm 03 tháng tù

- Bản án số 10/2011/ HSST ngày 31/10/2011 của TAND thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/8/2017, chuyển tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến nay, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963 (có mặt)

ĐKNKTT: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Văn D, sinh năm 1982 (vắng mặt)

ĐKNKTT: Thôn B, xã Đ, huyện V, thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/8/2017 N điều khiển xe mô tô Sirius, không biển kiểm soát từ nhà sang địa phận huyện Quỳnh Phụ mục đích trộm cắp hoặc cướp giật tài sản. Khi đến ngã tư Môi, thị trấn A, huyện Q, bị cáo cho xe rẽ trái được khoảng 100 mét thì thấy Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963 ở thôn B, xã Q, huyện Q đang mua hoa quả của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 ở thôn Đ, thị trấn A, còn anh C (con bà Q) đang ngồi trên xe Novo BKS 17B1-XXXXX, trên tay cầm 01 máy tính bảng, bị cáo nảy sinh ý định cướp giật tài sản của bà Q. Sau khi bà Q mua được hoa quả thì anh C cho máy tính bảng vào túi sách của bà Q rồi đèo bà Q về nhà bà Vũ Thị N ở tổ 11, thị trấn A, bị cáo điều khiển xe đi phía sau. Khi anh C đi xe đến ngã tư giao nhau giữa chợ Vĩnh Trà và đường DH72 thuộc tổ 6, thị trấn A, bị cáo thấy đường vắng, không có người qua lại nên đã tăng tốc vượt lên áp sát vào bên trái xe của anh C, dùng tay phải giật lấy chiếc túi sách của bà Q đang để ở giữa anh C và bà Q rồi điều khiển xe về nhà anh trai là Nguyễn Văn D, sinh năm 1979 ở thôn B, xã Đ, huyện V (nhưng anh D không có nhà, giao nhà cho N trông coi). Về đến nơi bị cáo kiểm tra trong túi sách của bà Q có 01 điện thoại Nokia N222, màu đen trắng, 01 máy tính bản hiệu Huawei màn hình cảm ứng, bị cáo tháo sim điện thoại và sim máy tính bảng cho vào túi vải của bị cáo, túi sách vứt vào thùng rác. Đến khoảng 18 giờ ngày 07/8/2017 bị cáo điện thoại cho Bùi Văn D, sinh năm 1982 ở cùng thôn hỏi mượn 1.000.000 đồng và đưa máy tính bảng cho anh D làm tin. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo mang máy tính bảng đưa cho D và nhận 1.000.000 đồng. Sau khi bị cướp giật tài sản, bà Q đã trình báo Công an, qua điều tra xác minh, ngày 08/8/2017 Công an đã thi hành lệnh bắt khẩn cấp đối với bị cáo

Khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo đã thu giữ: 01 xe mô tô Sirius màu đen trắng, không BKS, 01 túi bạt màu đen vàng kích thước 40x25x15cm có 01 quai đã rách, 01 điện thoại Nokia N222 bên trong có sim số 0976819186, 02 sim điện thoại số

0945668764 và 0961105018, 01 máy tính bảng Huawei, 01 áo sơ mi dài tay, 01 quần sooc kaki màu vàng

Bản kết luận định giá tài sản ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: Máy tính bảng trị giá 2.000.000 đồng, điện thoại Nokia N222 trị giá 700.000 đồng, 01 túi bạt trị giá 10.000 đồng. Tổng là 2.710.000 đồng

Bản cáo trạng số: 03/KSĐT ngày 20 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ đã truy tố Nguyễn Văn N về tội "cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 điều 136 BLHS 1999

Tại phiên tòa người bị hại bà Q khai: Ngoài số tài sản mà bị cáo N đã cướp giật của bà thì trong túi sách còn có 01 áo chống nắng và 5.000.000 đồng, bà yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà số tiền 5.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường chiếc áo chống nắng cho bà

Bị cáo N khẳng định trong túi sách mà bị cáo cướp giật của bà Q không có số tiền 5.000.000 đồng, nhưng bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà Q số tiền 5.000.000 đồng

Tại Phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như tại bản Cáo trạng. Đề nghị tuyên bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 136 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1, 2 điều 51; điều 50; điều 38 Bộ luật hình sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bà Q: Bị cáo bồi thường cho bà Q số tiền 5.000.000 đồng

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo N

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay kẻ ca ro, 01 quần sooc ka ki cũ đã thu giữ của bị cáo

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đều khai nhận: Sáng ngày 06/8/2017 bị cáo đi xe máy từ nhà sang khu vực thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ mục đích cướp giật tài sản, bị cáo đã cướp giật 01 túi sách của bà Q trong đó có 01 điện thoại di động Nokia N222, 01 máy tính bảng trị giá 2.710.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng. Ngoài ra còn được chứng minh bằng: Biên bản quản lý đồ vật (BL: 04), Sơ đồ hiện trường (BL: 05), Biên bản khám xét (BL: 14, 15); Bản kết luận định giá tài sản (BL: 32). Như vậy có đầy đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điều 136 BLHS

Điều 136: Tội Cướp giật tài sản:

1, Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ một N đến N N

2, Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba N đến mười N.

……..

d, Dùng thủ đoạn nguy hiểm

……..

5, Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng

Bộ luật Hình sự N 2015 đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01/01/2018, qua so sánh thấy mức hình phạt quy định tại khoản 2 điều 171 Bộ luật Hình sự N 2015 bằng với mức hình phạt quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999; Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục áp dụng các điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả vụ án cùng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã từng bốn lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn không lấy đó là bài học cho mình mà vẫn cố tình phạm tội. Bị cáo sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết "dùng thủ đoạn nguy hiểm" được quy định tại điểm d khoản 2

điều 136 Bộ luật hình sự. Do vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo bị cáo nói riêng cũng như phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên cũng xét bị cáo sau khi phạm tội khai báo thành khẩn, bố đẻ bị cáo là thương binh, được tặng Huy chương chiến sỹ giải phóng, Huy chương kháng chiến, do vậy cần áp dụng điểm p khoản 1, 2 điều 46 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo vẫn xác định trong túi sách của bà Q không có số tiền 5.000.000 đồng. Tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa không có căn cứ xác định bị cáo đã cướp giật của bà Q số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà Q số tiền 5.000.000 đồng, bà Q chấp nhận bị cáo bồi thường số tiền này và không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc áo chống nắng của bà, ngoài ra bà Q không còn yêu cầu nào đối với bị cáo. Xét thấy việc tự nguyện và thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và bà Q là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và pháp luật nên cần chấp nhận

[5] Xử lý vật chứng: Bị cáo không yêu cầu nhận lại 01 áo sơ mi dài tay kẻ ca rô và 01 quần sooc ka ki đã cũ, các tài sản này không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 1999, tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay kẻ ca ro, 01 quần sooc ka ki cũ

[6] Đối với chiếc xe mô tô Sirius mà bị cáo dùng để cướp giật tài sản, bị cáo khai mua ở ngã ba Quán Cháy, huyện Vĩnh Bảo với giá 5.000.000 đồng. Qua điều tra xác định chiếc xe này có BKS 17B6-XXXXX là xe của anh Nguyễn Quang S, sinh năm 1972 ở xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, anh S khai chiếc xe này bị mất vào tháng 3/2017. Công an huyện Quỳnh Phụ đã có công văn trao đổi với công an huyện Thái Thụy nhưng chưa nhận được sự phối hợp, do đó đã tách ra để điều tra, xử lý là phù hợp.

[7] Đối với Anh Bùi Văn D là người cầm giữ 01 máy tính bảng mà bị cáo cướp giật được và đưa cho bị cáo mượn 1.000.000 đồng, anh D không biết được đây là tài sản do bị cáo cướp giật được mà có nên không có căn cứ xử lý anh D

Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm,

Trước khi mở phiên tòa, bị cáo N và bà Q đã thỏa thuận được về bồi thường thiệt hại nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 136; điểm p khoản 1, 2 điều 46; điều 33; điều 45; Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt Nguyễn Văn N: 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/8/2017.

2. Trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bà Q và bị cáo N: Bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường cho Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963 ở Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền là: 5.000.000 đồng (N triệu đồng)

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 1999: Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi dài tay kẻ ca rô, 01 quần sooc ka ki cũ

(Chi tiết như tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2017 – BL: 187)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1,2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo N phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, vắng mặt người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:

-VKSND huyện Quỳnh Phụ

- Công an huyện Quỳnh Phụ

- Bị cáo

- Người bị hại

- Người có QLNV liên quan

- Sở tư pháp

- Lưu VP

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2017).

Nơi nhận:
-VKSND huyện Quỳnh Phụ
- Các bị cáo
- Người bị hại
- Người có QLNV liên quan
- Người bào chữa
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố bị cáo Lương Văn Hinh phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g khoản 1 điều 48; điểm g, p khoản 1 điều 46; điều 33; điều 45 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lương Văn Hinh: 01 (một) N tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/02/2017.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lương Văn Hinh phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm

Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/3/2017). Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:

-VKSND huyện Quỳnh Phụ

- Bị cáo

- Người có QLNV liên quan

- Lưu VP